

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HSST
Ngày: 04-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang T

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Anh Trần Anh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 285/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 285A/2023/QDHPT-HS ngày 11-12-2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Trung A, sinh năm 1991; tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036xxxx; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn C (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1972; Sống như vợ chồng với Tô Thị H, sinh năm 1991 (chưa đăng ký kết hôn); có 01 con sinh năm 2009; tiền án: Ngày 18/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh N xử phúc thẩm phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt ngày 02/7/2021); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/11/2011, Tòa án nhân dân thành phố N xử 07 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt ngày 30/01/2016); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/7/2023, sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2003; trú tại Số x đường y, phường z, thành

phố y, tỉnh N. (có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Hà Văn T, sinh năm 1970; trú tại: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh N. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trung A và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2003, trú tại Số x đường y, phường z, thành phố y là bạn bè quen biết có kết bạn với nhau trên mạng xã hội Telegram. A sử dụng tài khoản Telegram mang tên “Nguyễn Y V” đăng ký bằng số điện thoại 0943.xxxx, chị T sử dụng tài khoản Telegram mang tên “T” đăng ký bằng số điện thoại 0947.xxxx. A nói với chị T có quen một số người mua bán xe máy Honda SH nhập khẩu, đã qua sử dụng và nhờ chị T nếu có khách thì giới thiệu và hứa hẹn sẽ trả tiền công.

Ngày 02/5/2023, anh Phạm Đức C, sinh năm 1979; trú tại Số x đường y, phường z, thành phố y hỏi chị T có quen biết ai bán xe máy Honda SH nhập khẩu, đã qua sử dụng vì anh C có bạn là anh Hà Văn B, sinh năm 1970; trú tại Số x đường y, phường z, thành phố y đang có nhu cầu mua. Chị T đồng ý và nhắn tin qua Telegram hỏi A, do A đang ở thành phố Hà Nội nên nhắn tin lại cho chị T sẽ gọi lại sau. Lúc này A đang nợ nần nhiều nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị T. A lên mạng Internet tìm hiểu xe Honda SH nhập đã qua sử dụng tại thời điểm này có giá khoảng 120.000.000 đồng. Khoảng 17 giờ ngày 03/5/2025 A gọi điện qua Telegram nói dối chị T là A có 01 xe máy SH nhập, màu trắng, đã qua sử dụng muốn bán với giá 125.000.000 đồng (thực tế A không có chiếc xe nào). Chị T đồng ý mua, A yêu cầu chị T phải chuyển tiền trước và sẽ giao xe ở khu vực đường Điện Biên, thành phố Nam Định. Chị T thống nhất với anh C báo giá cho anh B là 140.000.000 đồng (trong đó tiền công của chị T là 10.000.000 đồng, còn anh C là 5.000.000 đồng), anh B đã chuyển đủ số tiền 140.000.000 đồng cho T. Sau đó chị T hỏi số tài khoản của A để chuyển tiền. A liên lạc với bạn là anh Lý Chu Q, sinh năm 1999; trú tại xóm Số x đường y, phường z, thành phố y hỏi mượn số tài khoản ngân hàng (Anh Q lúc này đang đi chơi ở thành phố N nên đồng ý cho A mượn tài khoản ngân hàng Vietcombank mang tên Lý Chu Q, số tài khoản 1028xxxx). Sau khi được thông báo, chị T đã chuyển 125.000.000 đồng vào số tài khoản trên và chụp lại hóa đơn chuyển tiền gửi qua Telegram cho A. Sau khi chuyển tiền chị T nhiều lần gọi điện cho A nhưng A không nghe máy, chặn liên lạc với chị T. Để tránh sự phát hiện, A xác nhận với Q đã nhận được số tiền 125.000.000 đồng, A xóa bỏ tài khoản Telegram “Nguyễn Y V” và vứt bỏ số điện thoại 0943.xxxx. Đến khi chị T gọi vào số điện thoại khác của A thì A thông báo không biết gì về việc mua bán xe và A không phải người sử dụng tài khoản Telegram “Nguyễn Y V” đồng thời chặn số liên lạc của chị T. Sau khi nhận được 125.000.000 đồng anh Q đã

chuyển 95.000.000 đồng và 10.000.000 đồng vào tài khoản số 083100xxxxx ngân hàng Vietcombank mang tên Trần Trung A và rút 20.000.000 tiền mặt tại cây ATM đưa cho A. Số tiền trên A đã tiêu xài cá nhân và dùng trả nợ hết.

Ngày 03/7/2023 chị T đã đến Cơ quan điều tra - Công an thành phố Nam Định trình báo nội dung sự việc như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp toàn bộ hoá đơn chuyển tiền, nội dung tin nhắn Telegram với A để phục vụ điều tra. Chị T đã chuyển số tiền 15.000.000 đồng (tiền công) cho anh C để anh C trả lại cho anh B.

Ngày 03/7/2023 tại Cơ quan điều tra Trần Trung A đã tự nguyện viết đơn xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Do nợ nần nhiều nên khi chị T nhờ A tìm mua xe Honda SH, A đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị T là 125.000.000 đồng. Trong đó: Bị cáo đã dùng để trả nợ cho chị Phạm Thị Hồng H, sinh năm 2005; trú tại: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh N 85.000.000 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1992; trú tại: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh N 20.000.000 đồng. Còn 20.000.000 đồng A đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 04-7-2023, tại Cơ quan điều tra chị Phạm Hồng Hạnh trình bày: chị là bạn của A, do A ăn chơi đua đòi dẫn đến nợ nần ngoài xã hội, A đã vay của chị 80.000.000 đồng để trả nợ. Ngày 03-5-2023 A đã chuyển trả cho chị 75.000.000 đồng; ngày 04-5-2023 A đã chuyển trả cho chị 10.000.000 đồng. A gọi điện thông báo số tiền trên là để trả nợ cho chị, chị Hạnh không biết rõ về nguồn gốc số tiền A đã chuyển.

Ngày 17-8-2023 Cơ quan điều tra tiến hành xác minh thông tin về chủ tài khoản Ngân hàng MB Bank “Nguyễn Văn A” tại Công an xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Công an xã Minh Quang xác nhận: Anh Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/11/1992, số CCCD 034xxxxx, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, hiện anh A không có mặt tại địa phương, Công an xã và gia đình không biết anh A đi đâu, làm gì.

Ngày 23-9-2023 Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của anh Phạm Đức C, sinh năm 1979; trú tại: Số x đường y, phường z, thành phố y. Anh C trình bày: Anh có quen biết với anh Hà Văn B, khoảng cuối tháng 4/2023, anh B có nhờ mua hộ 01 xe máy Honda SH nhập khẩu đã qua sử dụng, anh liên hệ với T qua Telegram hỏi T có biết chỗ nào bán xe thì giới thiệu, T đồng ý. Ngày 03-5-2023 T gọi điện thông báo đã tìm được người đàn ông tên “Thắng” bán xe Honda SH nhập khẩu, đã qua sử dụng với giá là 125.000.000 đồng. C nói với T sẽ báo giá cho anh B là 140.000.000 đồng để hưởng chênh lệch 15.000.000 đồng tiền công. T 10.000.000 đồng, C 5.000.000 đồng. Khoảng 15 giờ ngày 03-5-2023, anh B từ nhà sang thành phố Nam Định để gặp C và T. T cho biết người đàn ông tên “Thắng” yêu cầu chuyển tiền trước rồi sẽ bàn giao xe tại đường Đ, thành phố N. Anh B đã chuyển cho T 140.000.000 đồng, T đã chuyển cho người đàn ông tên A

125.000.000 đồng, tuy nhiên sau khi T chuyển tiền thì người đàn ông tên “Thắng” không giao xe và chặn luôn số điện thoại của T. Lúc này, T mới biết đã bị A lừa. Đối với số tiền 15.000.000 đồng còn lại, T đã chuyển khoản lại cho anh C để anh C đã trả lại cho anh B.

Ngày 04-10-2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh Hà Văn B tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình do anh B phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Anh B trình bày: Anh có mối quen biết xã hội với anh Phạm Đức C, sinh năm 1979; trú tại Số x đường y, phường z, thành phố y. Khoảng cuối tháng 4/2023, do có nhu cầu mua xe Honda SH cũ để làm phương tiện đi lại nên anh B có nhờ C mua hộ. Ngày 03-5-2023 anh C gọi điện cho B thông báo đã tìm được người bán xe với giá 140.000.000 đồng, anh B đồng ý mua. Khoảng 15 giờ ngày 03-5-2023, anh B từ Thái bình sang thành phố Nam Định gặp anh C, anh C cho biết có nhờ chị T mua hộ chiếc xe SH. Anh B và anh C đến gặp chị T được chị T cho biết người đàn ông tên “Thắng” yêu cầu chuyển tiền trước rồi sẽ bàn giao xe tại đường Đ, thành phố N. Sau khi thống nhất thì anh B nhờ con dâu là chị Bùi Thị Thanh chuyển cho chị T 140.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng của chị T sau đó chị T sẽ chuyển tiền cho người đàn ông tên “Thắng”, tuy nhiên sau khi T chuyển 125.000.000 đồng cho thì người đàn ông tên “Thắng” thì “Thắng” không giao xe và chặn luôn số điện thoại của chị T. Số tiền 15.000.000 đồng chị T đã chuyển khoản lại cho C và C đã trả lại cho anh B. Đối với số tiền 125.000.000 đồng anh B đề nghị chị T phải lại cho anh.

Về vấn đề bồi thường dân sự: Trần Trung A đã tác động gia đình bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thái T số tiền 125.000.000 đồng. Chị T đã nhận đủ số tiền trên và có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 303/CT-VKS-TPND ngày 07-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Trần Trung A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Trung A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn B trình bày: Anh vẫn giữ quan điểm như tại Cơ quan điều tra yêu cầu chị Nguyễn Thị Thái T phải bồi thường cho anh số tiền 125.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trần Trung A tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ

nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Trung A theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Trung A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trung A 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Trung A nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Trung A và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Trung A trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại chị Nguyễn Thị Thái T; các bản phô-tô nội dung tin nhắn Telegram (có chữ ký của bị cáo Trần Trung A và người bị hại); bản sao kê tài khoản chuyển tiền của người bị hại; lời khai của những người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 03-5-2023 bị cáo Trần Trung A đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thái T số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi năm triệu đồng). Hành vi của bị cáo Trần Trung A là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện; số tiền bị cáo chiếm đoạt là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi năm triệu đồng) nên bị cáo Trần Trung A đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Trung A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; bị cáo đã tác động để gia đình để khắc phục hậu quả. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Trung A có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chỉ xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Trung A đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thị Thái T số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi năm triệu đồng). Chị T đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác. Như vậy, phần dân sự giữa bị cáo Trần Trung A và bị hại chị Nguyễn Thị Thái T đã được giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn B yêu cầu chị Nguyễn Thị Thái T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu của anh B là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc chị Nguyễn Thị Thái T phải bồi thường cho anh Hà Văn B số tiền 125.000.000 đồng.

(Chị T đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 125.000.000 đồng vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự ngày 06-12-2023).

Về tiền lãi trong trường hợp chậm thi hành án: Do chị Nguyễn Thị Thái T đã nộp toàn bộ số tiền 125.000.000 đồng vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không buộc chị Nguyễn Thị Thái T phải chịu tiền lãi trong trường hợp chậm thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Trung A bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Thái T đã nộp toàn bộ số tiền phải bồi thường vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự ngày 06-12-2023 nên không phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Trung A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trung A 02 (hai) năm 09 (chín) tháng năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 03-7-2023.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc chị Nguyễn Thị Thái T phải bồi thường cho anh Hà Văn B số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi năm triệu đồng)

(Chị T đã nộp số tiền 125.000.000 đồng vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự ngày 06-12-2023 theo biên lai số 0001359)

3. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Trần Trung A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Trung A; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- TAND. tỉnh Nam Định;
- VKSND-TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS-TP. Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án VP.